TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HSST
Ngày: 08.01.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều My
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hoan
Bà Phan Thị Thủy Tiên
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Xuân.
- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Lan - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2024 Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 269/2023/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2023/QĐXX-HSST ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: N. T. H; tên gọi khác: không; sinh năm: 1976; giới tính: nữ; nơi cư trú: số 47 ngõ 378 đường L, phường P, quận Đ, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; con ông: N. D. H và bà: N. T. T; tiền án, tiền sự: Bản án số 480 ngày 26,27/11/2018 TAND Thành phố Hà Nội xử phạt 15 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 năm tù về tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt cho 02 tội là 16 năm tù; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác - Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh N. Đ. P, sinh năm 1982, nơi cư trú tại thôn Y, xã T, huyện T, Thành phố H – có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Qua mối quan hệ xã hội, anh N.Đ.P quen biết và nhờ anh Đ.K.H1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 thửa đất có địa chỉ tại xã H và xã T thuộc huyện T - Hà Nội. Đ. K. H1 đã giới thiệu anh P với N. T. H (H tự giới thiệu là người có chức vụ cao ở Viện kiểm

sát). Do không có việc làm ổn định và cần tiền để chi tiêu cá nhân nên H nảy sinh ý định giả làm cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh P dưới hình thức nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H1 chỉ biết H làm ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Do tin tưởng H, anh P đã nhờ H làm giấy chứng nhận cho 02 thửa đất trên, chi phí để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho xã T là 588.000.000 đồng và xã H là 492.000.000 đồng, anh P phải ứng trước một khoản tiền, số tiền còn lại sẽ giao nốt khi có giấy chứng nhận. Sau đó anh P đã thay đổi lại chỉ nhờ H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho thửa đất ở xã T, tách làm 02 sổ đứng tên bố mẹ vợ của anh P là P. V. Đ, L. T. H và em vợ P là P. Q. T. Từ ngày 10/9/2015 đến 11/10/2016 anh P đã giao cho H số tiền 150.000.000 đồng (có giấy biên nhận). Cụ thể:

Ngày 10/9/2015 giao số tiền 25.000.000 đồng tại số 44 H. V. T, quận T. Ngày 16/9/2015 giao số tiền 45.000.000 đồng tại quán cà phê 94 đường L. Ngày 20/9/2015 giao số tiền 40.000.000 đồng tại số 44 H V. T, quận T. Ngày 29/11/2015 giao số tiền 20.000.000 đồng tại số 44 H V. T, quận T. Ngày 11/10/2016 giao số tiền 20.000.000 đồng tại số 15B H. V. T, quận T. Ngoài số tiền trên anh P còn giao số tiền 35.000.000 đồng cho H (có biên bản giao nhận nhưng hiện đã bị thất lạc). Tổng số tiền anh P đưa cho Hằng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 185.000.000 đồng. Những lần giao tiền đều có Đ. K. H là người chứng kiến. Sau khi nhận tiền, H cam kết với anh P trong vòng 3 đến 6 tháng kể từ ngày nhận tiền sẽ hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận. Quá thời hạn trên do anh P giục nhiều lần nên H đã làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho anh P. Khi biết giấy chứng nhận là giả, anh P đã làm đơn trình báo cơ quan công an.

* Anh N. Đ. P giao nộp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả):

- 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số BA 885371 cấp ngày 9/5/2016 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01 tại xóm 70B mới Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, diện tích 142,9m2 mang tên ông P. V. Đ và bà L. T. H.

- 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số BA 885372 cấp ngày 9/5/2016 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 01 tại xóm 70B mới Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, diện tích 140m2 mang tên ông P. Q. T.

Tại cơ quan điều tra N. T. H khai nhận: Bản thân không có nghề nghiệp, chức năng gì trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận số tiền 185.000.000 đồng của anh P, H không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như cam kết với anh P. Do bị anh P thúc giục, H đã lên mạng xã hội tìm và thuê một nam giới làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi

nhờ H1 đưa cho P. Số tiền nhận của anh P, H chia cho H1 một phần (không nhớ chia bao nhiêu), còn lại H ăn tiêu hết.

Tại Bản kết luận giám định số 7205 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Mẫu in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (mẫu cần giám định) là mẫu in giả.

- Hình dấu tròn dưới mục "TM/ UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ" trên các mẫu cần giám định ký hiện A1, A2 so với hình dấu tròn có nội dung "UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ T.P HÀ NỘI" trên mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký dưới mục "TM. UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ" trên các mẫu cần giám định khác dạng so với chữ ký của N. T. C (Phó chủ tịch UBND huyện Thanh Trì) trên mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại bản kết luận giám định chữ viết, chữ ký số 4912/KL-KTHS ngày 25/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: "Chữ viết dòng họ tên N. T. H dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên N. T. H trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra".

Xác minh tại UBND huyện Thanh Trì được biết: Thửa đất số 29 và 30 tờ bản đồ số 01 đều thuộc thôn Huỳnh Cung xã Tam Hiệp (không thuộc thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp) và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Đ. O năm 2003, ông N. Đ. B và ông N. Đ. H năm 2004. Ông P. V. Đ, bà L. T. H, ông P. Q. T không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 29 và 30 tờ bản đồ số 01 tại xã Tam Hiệp - huyện Thanh Trì.

Xác minh tại UBND xã Tam Hiệp được biết: Gia đình ông P. V. Đ, bà L. T. H đã được UBND xã Tam Hiệp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH599502, số vào sổ 614/QĐ-UBND/2017 CH01814 ngày 08/5/2017 đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 15, diện tích 284m2.

Xác minh tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có người nào là N. T. H (SN: 1976, HKTT: số 43 ngõ 378 L. D - phường P - quận Đ- thành phố H).

Đ.K.H1 khai: Cuối năm 2014 có quen biết anh P và H Qua nói chuyện anh P có nhu cầu muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ huyện T, Thành phố H. Ngày 10/9/2015 và 16/9/215 tại quán cà phê 44 H. V. T, H1 chứng kiến việc giao nhận tiền giữa H và P (H1 không biết số tiền là bao nhiêu). Khoảng giữa năm 2016 P gọi cho H1 nhanh chóng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó H1 liên lạc với H và được H hẹn gặp ở gần UBND huyện T để lấy 01 giấy chứng nhận mang tên P. V. Đ, L. T. H và 01 giấy chứng nhận mang tên P. Q. T đưa cho P. Khi được P thông báo là 02 giấy chứng nhận giả thì H1 đã liên

lạc lại với H nhưng không liên lạc được. Bản thân H1 cũng không nhận được bất kỳ khoản tiền nào từ P và H. Việc làm giả giấy tờ H1 cũng không biết H làm ở đâu. Với tài liệu điều tra thu thập, không có căn cứ chứng minh H1 đồng phạm với H trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó Cơ quan CSĐT – Công an quận Thanh Xuân không có căn cứ để xử lý đối với H1.

Đối với hành vi Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của N. T. H, do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân không xử lý.

Về dân sự: Anh N. Đ. P yêu cầu N. T. H trả lại số tiền đã chiếm đoạt của anh Phong là 185.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 270/CT-VKS ngày 30.11.2023 Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đã truy tố bị cáo N. T. H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như đúng nội dung bản cáo trạng truy tố. Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo sẽ bồi thường cho bị hại nhưng hiện giờ bị cáo đang chấp hành án nên chưa có điều kiện kinh tế để thực hiện.

Bị hại anh N. Đ. P có đơn xin xử vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, về hình phạt, anh P đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật; về dân sự, anh Phong đề nghị Tòa án tuyên buộc bị cáo bồi thường số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy anh P đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra, có đơn xin xử vắng mặt nên áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xử vắng mặt bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 điều 174, điểm s khoản 1 điều 51, điều 38, điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt N. T. H mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 16 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 480/2018/HS-ST ngày 26, 27.11.2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 22 năm đến 22 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 185.000.000 đồng; Về hình phạt bổ sung, không áp dụng đối với bị cáo; Về vật chứng: không có.

Trong lời nói saung cùng, N. T. H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Xuân, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi hoặc quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù không có công ăn việc làm ổn định nhưng N. T. H vẫn giả danh là cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tạo lòng tin cho anh N. Đ. P tin tưởng H có khả năng và mối quan hệ có thể làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Trong khoảng thời gian từ tháng 9.2015 đến tháng 10.2016, anh P đã nhiều lần đưa tiền cho cho H, tổng số là 185.000.000 đồng. Để chiếm đoạt nốt số tiền đã thỏa thuận H đã lên mạng xã hội tìm và thuê 01 nam giới làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi giao cho anh P, do anh P nghi ngờ giấy tờ trên là giả nên đã tố cáo H ra Công an quận Thanh Xuân. Số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của bị hại là 185.000.000 đồng Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của N. T. H, do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thanh Xuân không xử lý là có căn cứ.

[3]. Về đường lối xử lý và quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trong xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cần xử phạt nghiêm minh, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo.

Năm 2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 15 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 16 năm tù. Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội bị bị hại kháng cáo về

phần quyết định dân sự. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 768/2019/HS-PT ngày 28.11.2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự; các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 480/2018/HS-ST ngày 26, 27.11.2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nên áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bản án này với bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về bồi thường dân sự: tại cơ quan điều tra, bị hại khai đã giao cho bị cáo 185.000.000 đồng nhưng chỉ cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo đã nhận số tiền 150.000.000 đồng (có giấy biên nhận), còn lại một số giấy biên nhận khác đã bị thất lạc. Lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã nhận của bị hại 185.000.000 đồng, do vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 185.000.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: không có.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo N. T. H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

2. Áp dụng:

- Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự;

- Các điều 135, 331, 332, 333, 336, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Xử phạt: Bị cáo N. T. H 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 16 (mười sáu) năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 480/2018/HS-ST ngày 26, 27.11.2018

của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 22 (hai mươi hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N. T. H bồi thường cho anh Nguyễn Đình Phong số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

4. Về án phí: Bị cáo N. T. H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo N. T. H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND, CA, THADS quận Thanh Xuân;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Kiều My